

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày 27 tháng 08 năm 2024
“*V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tú Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Thái Hiệp

2. Ông Lê Văn Thuyền

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 08 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay

Địa chỉ trụ sở: Số A đường N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông Somyot N - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Kanokwatpaisal N1 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H – Nhân viên công ty cổ phần S tiền có ngay. Địa chỉ liên hệ: Số A đường C khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 31/01/2024).

Bị đơn: Chị Trần Thảo H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay là ông Phạm Thanh H trình bày:

Vào ngày 13/07/2023, giữa công ty trách nhiệm hữu hạn S1 nay là Công ty

cổ phần S tiền có ngay (sau đây gọi tắt là: Công ty) với chị Trần Thảo H1 có ký kết hợp đồng cầm cố số LMM230701011NA22X kèm phụ lục hợp đồng, hợp đồng cầm cố này được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: *Giaodichdambao/botuphap*: **1508549124** theo *wed: https://dktructuyen.moj.gov.vn/*. Theo thỏa thuận chị H1 đồng ý cầm cố tài sản của chị H1 là chiếc xe mô tô biển số 94F1-413.63, loại xe: HONDA WAVE, số khung: RLHIA3925NY294429, số máy: JA39E2791421, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho công ty với số tiền là 9.900.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 13/07/2023 đến ngày 13/07/2024 và phía công ty đã chuyển khoản cho chị H1 nhận đủ số tiền là 9.900.000 đồng. Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thời hạn trả nợ định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền là 913.295,36 đồng vào ngày 13 hàng tháng từ tháng 08/2023 đến tháng 07/2024. Lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn kể từ ngày chuyển nợ quá hạn.

Ngoài ra, chị Trần Thảo H1 còn phải trả các loại phí, bao gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, phí hợp lý khác theo quy định tại mục 1 của Phụ lục về Điều khoản chung đính kèm hợp đồng như phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu là 148.500 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng), phí đăng ký và xóa giao dịch đảm bảo là 150.000 đồng (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng), phí trả trước hạn, phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ.

Do nhu cầu cần có xe đi lại, nên cùng ngày Công ty có ký giấy cho chị Trần Thảo H1 mượn lại chiếc xe mô tô mà chị H1 đã cầm cố cho công ty nêu trên với thời hạn mượn là 30 ngày (từ ngày 13/07/2023 đến ngày 13/08/2023), thỏa thuận trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 297.000 đồng/tháng, trả phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe là 1.000.000 đồng. Phía công ty có giữ lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 007233 của chị Trần Thảo H1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Trần Thảo H1 không thanh toán được số tiền nào cho công ty. Hiện nay, theo giấy mượn xe thì chiếc xe mô tô nêu trên do chị Trần Thảo H1 quản lý, sử dụng. Tuy nhiên công ty không xác định được xe này hiện đang ở đâu nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2024, Công ty yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải thanh toán nợ cho Công ty tổng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố nêu trên tạm tính đến hết ngày 08/01/2024 là 13.367.000 đồng (*trong đó gốc là: 10.666.000 đồng, lãi là 294.000 đồng, phí là 2.407.000 đồng*) và lãi suất, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố đã ký từ ngày 22/01/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp chị Trần Thảo H1 không thanh toán được số tiền nợ nêu trên thì chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô mà chị H1 đã cầm cố cho công ty và được công ty cho mượn lại nêu trên.

Tuy nhiên, đến ngày 05/07/2024 người đại diện theo ủy quyền của Công ty có đơn xin sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện và rút lại một phần yêu cầu khởi

kiện, cụ thể:

Về sửa đổi yêu cầu khởi kiện: Công ty yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải trả lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/01/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Về rút lại một phần yêu cầu khởi kiện: Công ty rút lại yêu cầu buộc chị Trần Thảo H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Công ty số tiền 766.000 đồng (chỉ yêu cầu trả số nợ gốc là 9.900.000 đồng) và không yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô mà chị H1 đã cầm cố cho Công ty và được công ty cho mượn lại nêu trên.

Ngày 05/08/2024, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tiếp tục có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Công ty không yêu cầu chị H1 phải thanh toán phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn (gọi tắt là phí hao mòn tài sản).

Ngoài ra phía công ty không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Trần Thảo H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần đến nhà của chị H1 tại khu A, ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với chị H1 tuy nhiên chị H1 không có mặt ở nhà. Qua xác minh chính quyền địa phương thì Tòa án được biết hiện tại chị H1 vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu tuy nhiên chị H1 không có mặt tại địa phương. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H1 trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải trả số tiền nợ gốc là 766.000 đồng và trả phí bảo dưỡng, hao mòn xe khi mượn xe.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải trả lại chiếc xe mô tô biển số 94F1-413.63, loại xe: HONDA WAVE, số khung: RLHIA3925NY294429, số máy: JA39E2791421, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho chị Trần Thảo H1 mà chị H1 đã cầm cố cho công ty và được công ty cho mượn lại.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay đối với chị Trần Thảo H1.

Buộc chị Trần Thảo H1 có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/08/2024) là 14.059.876 đồng (trong đó nợ gốc là 9.900.000 đồng, lãi trong hạn là 728.436 đồng; lãi quá hạn là 3.100.333 đồng, phí quản lý hồ sơ là 331.107 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Buộc Công ty cổ phần S tiền có ngay có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thảo H1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho chị Trần Thảo H1 sau khi chị H1 thanh toán xong khoản nợ nêu trên cho công ty.

Ngoài ra chị H1 còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Trần Thảo H1 phải trả nợ cho công ty phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản giữa chị H1 với công ty nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn là ông Phạm Thanh H có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Trần Thảo H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H và chị H1 căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Ngày 05/07/2024 người đại diện theo ủy quyền của công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó công ty rút lại yêu cầu buộc chị Trần Thảo H1 phải trả nợ gốc cho công ty số tiền 766.000 đồng và không yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô mà chị H1 đã cầm cố cho công ty và được công ty cho mượn lại. Ngày 05/08/2024, người đại diện theo ủy quyền của công ty tiếp tục có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Công ty không yêu cầu chị H1 phải thanh toán phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của công ty là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của công ty.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với chị Trần Thảo H1*, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do phía nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định vào ngày 13/07/2023, giữa công ty với chị Trần

Thảo H1 có ký kết hợp đồng cầm cố số LMM230701011NA22X kèm phụ lục hợp đồng. Theo thỏa thuận chị H1 đồng ý cầm cố tài sản của chị H1 là chiếc xe mô tô biển số 94F1-413.63, loại xe: HONDA WAVE, số khung: RLHIA3925NY294429, số máy: JA39E2791421, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho công ty với số tiền là 9.900.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 13/07/2023 đến ngày 13/07/2024 và phía công ty đã chuyển khoản cho chị H1 nhận đủ số tiền là 9.900.000 đồng. Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Thời hạn trả nợ định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền là 913.295,36 đồng vào ngày 13 hàng tháng từ tháng 08/2023 đến tháng 07/2024. Lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn kể từ ngày chuyển nợ quá hạn. Ngoài ra, chị H1 còn phải trả các loại phí, bao gồm: Phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền và các khoản phí khác được quy định tại Phụ lục Hợp đồng như phí trả nợ trước hạn, phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ, .v.v...

Đồng thời, sau khi cầm cố xe cho công ty thì do nhu cầu cần có xe đi lại, nên chị H1 có ký giấy mượn lại chiếc xe mà chị H1 đã cầm cố cho công ty nêu trên với thời hạn mượn là 30 ngày (từ ngày 13/07/2023 đến ngày 13/08/2023).

Quá trình quan hệ hợp đồng cầm cố tài sản, chị H1 không thanh toán được khoản tiền nào cho công ty theo thỏa thuận do đó Công ty khởi kiện yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải thanh toán nợ cho công ty là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/08/2024) thì khoản nợ mà chị Trần Thảo H1 còn nợ Công ty phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản là 14.059.876 đồng (*trong đó nợ gốc là 9.900.000 đồng, lãi trong hạn là 728.436 đồng; lãi quá hạn là 3.100.333 đồng, phí quản lý hồ sơ là 331.107 đồng*) nên cần buộc chị Trần Thảo H1 có trách nhiệm trả cho Công ty tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/08/2024) là 14.059.876 đồng. Đồng thời chị H1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với khoản nợ nêu trên kể từ ngày 28/08/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp.

[5] Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 94F1-413.63, loại xe: HONDA WAVE, số khung: RLHIA3925NY294429, số máy: JA39E2791421, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho chị Trần Thảo H1. Xét thấy, đây là tài sản chị H1 cầm cố cho công ty theo hợp đồng cầm cố ngày 13/07/2023. Theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng thì trường hợp người cầm cố không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản theo quy định để thu hồi nợ. Tuy nhiên, người đại theo ủy quyền của công ty không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố trong trường hợp chị H1 không thanh toán được nợ. Do đó, sau khi chị H1 thanh toán xong khoản nợ nêu trên thì buộc công ty phải trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính cho chị H1.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Chị Trần Thảo H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 703.000 đồng ($14.059.876 \text{ đồng} \times 5\% = 702.993 \text{ đồng}$, lấy tròn 703.000 đồng).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 309, 312, 313, 316 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải trả số tiền nợ gốc là 766.000 đồng và trả phí bảo dưỡng, hao mòn xe khi mượn xe.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc yêu cầu chị Trần Thảo H1 phải trả lại chiếc xe mô tô biển số 94F1-413.63, loại xe: HONDA WAVE, số khung: RLHIA3925NY294429, số máy: JA39E2791421, số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho chị Trần Thảo H1 mà chị H1 đã cầm cố cho công ty và được công ty cho mượn lại.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay đối với chị Trần Thảo H1.

Buộc chị Trần Thảo H1 có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/08/2024) là 14.059.876 đồng (*trong đó nợ gốc là 9.900.000 đồng, lãi trong hạn là 728.436 đồng; lãi quá hạn là 3.100.333 đồng, phí quản lý hồ sơ là 331.107 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Buộc Công ty cổ phần S tiền có ngay có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thảo H1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 007233 do Công an tỉnh B cấp ngày 03/07/2023 cho chị Trần Thảo H1 sau khi chị H1 thanh toán xong khoản nợ nêu trên cho công ty.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thảo H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 703.000 đồng.

Công ty cổ phần S tiền có ngay đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 334.175 đồng theo biên lai thu số 0007550 ngày 14/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh